

Hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng của nước ta, từ các cuối các năm 90 và cho đến nay, đã có như ở nước ngoài, gồm: ngân hàng trung ương, thị trường chứng khoán, các ngân hàng thương mại, đầu tư và nông thôn, các ngân hàng nước ngoài, nên thiết tưởng không cần tổ chức thêm, mà điều cần thiết là cải tổ về chất lượng và chính sách tiền tệ tín dụng ngân hàng.

I. CẢI TỔ VỀ CHẤT LƯỢNG

Hệ thống ngân hàng của nước ta, đặc biệt là hệ thống ngân hàng nông thôn, trên thực tế là hệ thống quỹ tiết kiệm hơn là hệ thống ngân hàng, do nguồn vốn chính yếu của ngân hàng có nguồn từ tiền tiết kiệm của nhân dân, trái với hệ thống ngân hàng

này được ngân hàng "tạo ra" bằng cách cho khách hàng vay tiền, tỷ như ngân hàng A cho các ông X, Y, Z vay 100 tỷ đồng, các ông X, Y, Z này không rút tiền mặt mà chỉ chỉ trả bằng séc mà thôi, các người nhận séc cũng không rút tiền mặt mà đem séc nhận được nạp vào ngân hàng, ngân hàng dùng bút ghi bớt tiền nơi trưng mục người trả tiền bằng séc và tăng tiền nơi tài khoản người nhận séc. Ngân hàng A đã tạo được 100 tỷ đồng bằng cách cho các khách hàng vay 100 tỷ đồng và sau đó thực hiện các bút toán tăng hay giảm tiền nơi các tài khoản người phát hành hay nhận séc. Dĩ nhiên là ngân hàng thu lời trên số 100 tỷ tiền cho vay trên và không phải trả đồng lời nào cho người gửi tiền vào ngân hàng. Vì vậy, tại

tiền lãi suất tiết kiệm cao cho người gửi tiền vào ngân hàng. So với nước ta nguồn vốn chủ yếu có nguồn từ tiết kiệm tư nhân, ngân hàng phải trả lãi suất cao người dân mới gửi tiền vào ngân hàng. Do đó ngân hàng buộc phải tính lãi suất cho vay cao hơn lãi suất tiền gửi 1 hay 2 điểm. Trên thực tế, lãi suất ở Việt Nam cao đến trên dưới 1% tháng hay 8 -12% năm. Lãi suất cao như trên là một gánh nặng đối với các nông dân hay các doanh nghiệp phải vay tiền. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho giá thành ở Việt Nam cao làm cho khả năng cạnh tranh của nông dân và các doanh nghiệp Việt Nam giảm so với các doanh nghiệp hay nông dân nước ngoài vốn chỉ chịu lãi suất thấp hơn.

Vì vậy, Ngân hàng Trung ương Việt Nam nên cải tổ hệ thống ngân hàng theo khuynh hướng sử dụng thanh toán không tiền mặt và mở rộng hệ thống lãi suất ưu tiên và chế độ tái thế chấp của ngân hàng trung ương, đặc biệt là đối với các dự án phát triển nông nghiệp hay tạo đầu ra cho nông sản Việt Nam.

Nên áp dụng ngay phương pháp thanh toán không tiền mặt trong hệ thống thu mua và tồn kho hàng nông sản. Trong việc thu mua nông sản, các doanh nghiệp thu mua nên thỏa thuận với ngân hàng kim ngạch được phép phát hành thương phiếu mua nông sản: nông dân có quyền dùng phiếu này đóng thuế cho nhà nước, trả nợ vay ngân hàng hoặc giữ thương phiếu lại đến ngày đáo hạn mới đến ngân hàng lãnh tiền mặt. Dĩ nhiên, nông dân sẽ thu được 100% mệnh giá trên thương phiếu nếu chọn phương án lãnh tiền vào ngày thương phiếu đáo hạn, còn trường hợp muốn có tiền mặt ngay, ngân hàng sẽ trừ bớt phí chiết khấu.

Ngoài việc bán nông sản trực tiếp cho các doanh nghiệp thu mua, nông dân cũng có thể gửi nông sản trong các silô ở nước ngoài các vùng nông nghiệp có những silô có khả năng chứa lúa mì năm này qua năm khác không sợ mọt ăn. ở Đồng bằng sông Cửu Long nên xây khẩn một hệ thống silô có khả năng chứa khoảng 3-5 triệu tấn lúa. Đến ngày mùa, nông dân gửi lúa vào kho và kho sẽ cấp cho nông dân những giấy chứng nhận. Nông dân có thể đem giấy này bán cho các nhà thu mua nông sản hoặc các ngân hàng, việc mua bán các giấy chấp nhận này có thể thực hiện bằng cách ký tên sau giấy chấp nhận mà không cần cân đong, chuyển giao thực sự lúa trong kho. Nông dân cũng có thể đem thế chấp các giấy chấp nhận đến ngân hàng rút tiền mặt. Một hệ thống silô có khả năng chứa 3-5 triệu tấn lúa sẽ bảo đảm an toàn

CẢI CÁCH HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VÀ TÍN DỤNG NÔNG THÔN

TS. LÊ KHOA

nước ngoài nguồn vốn có nguồn từ việc thanh toán không bằng tiền mặt mà bằng séc và các thương phiếu. Các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước thay vì trả lương cho công nhân bằng tiền mặt, chuyển tiền lương của công nhân trong tài khoản của họ nơi ngân hàng. Công nhân mua hàng thanh toán bằng séc. Các doanh nghiệp lớn nhỏ đều mở tài khoản nơi ngân hàng, mỗi ngày chuyển hết số thu của họ vào ngân hàng và thanh toán các chi phí bằng séc. Khi mua chịu hàng hóa hay vật tư, các doanh nghiệp mua hàng phát hành 1 thương phiếu có định xứ tại một ngân hàng và được doanh nghiệp bán hàng ký nhận và giao cho ngân hàng việc thu tiền. Các séc và thương phiếu đáo hạn được các ngân hàng trao đổi với nhau hàng ngày tại Trung tâm bù trừ séc và thương phiếu do ngân hàng trung ương tổ chức, do đó các vụ việc thanh toán bằng séc và thương phiếu được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp bù trừ đa phương lẫn nhau thay vì bằng tiền mặt. Nhờ áp dụng phương pháp bù trừ một cách rộng rãi, các ngân hàng, trên thực tế có khả năng phát hành tiền bút tệ. Nguồn tiền

nước ngoài, nhờ sử dụng rộng rãi hệ thống "thanh toán không tiền mặt" nên các ngân hàng thương mại có thể hạ lãi suất cho vay xuống còn chỉ 2% mỗi năm mà vẫn thực hiện được siêu lợi nhuận.

Một nguồn vốn thứ hai là các ngân hàng có thể đến ngân hàng trung ương xin tái thế chấp các hồ sơ cho khách hàng vay tiền, trong những trường hợp quy định bởi ngân hàng trung ương. ở nhiều nước như Nhật, Ngân hàng Trung ương có chính sách thế chấp rất rộng rãi và lãi suất ưu tiên rất hạ, nên các ngân hàng cấp dưới không sợ thiếu tiền cho vay. Các ngân hàng thương mại đầu tư có thể cho vay đến trên 100% số vốn riêng và số tiền gửi nhận được, với lãi suất chỉ 2% mỗi năm, nhờ nơi chính sách tái thế chấp rộng rãi với lãi suất thấp của Ngân hàng Trung ương Nhật.

Tóm lại nguồn vốn ngân hàng ở nước ngoài chủ yếu có nguồn từ phương pháp thanh toán không bằng tiền mặt, "tiền ngân hàng cho vay tạo tiền gửi nơi ngân hàng", tiền tái thế chấp nơi ngân hàng trung ương, do đó, ngân hàng cấp 2 không phải trả

tuyệt đối lương thực, thực phẩm cho Việt Nam đồng thời sẽ cho Việt Nam có khả năng xuất khẩu lúa vào lúc giá gạo trên thế giới cao đủ để đài thọ phí tổn sản xuất, tỷ như 200 USD /tấn. Bằng không nếu giá lúa thấp dưới 200 USD, Việt Nam sẽ giữ lúa lại không xuất khẩu và chuyển sang sản xuất các nông sản khác.

II. CẢI TỔ VỀ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG NÔNG THÔN

Từ cuối thập niên 80, với đường lối đổi mới, người nông dân nước ta đã được giao ruộng đất. Nông dân cũng có quyền đem đất ruộng đến thế chấp và vay tiền tại ngân hàng để làm vốn mua phân, máy móc và các vật tư khác để sản xuất. Sau khi làm ra nông sản, người nông dân bán các

nông sản trên thị trường và có tiền trả lại vốn và lãi cho ngân hàng. Chính sách trên đây đã tăng gia sản xuất nông sản rất nhiều hơn trước và đẩy mạnh việc xuất khẩu nông sản Việt Nam trên thị trường thế giới, khi giá nông sản còn khá cao, đủ để trả tiền công và các phí vật tư, lãi suất tiền vay vốn ngân hàng. Người nông dân "lấy công làm lãi" và mặc dù phải một nắng hai sương mới làm ra được hạt lúa nhưng trong giá thành lúa hay nông sản thường không tính đến tiền công của nông dân hoặc chỉ tính rất thấp.

Tuy nhiên, năm 2001, giá lúa và rất nhiều mặt hàng nông sản đã sụt xuống một mức rất thấp. Giá lúa vụ đông xuân 2001 sụt có nơi chỉ 1.000

đồng/kg chỉ đủ tiền cho phân, hạt giống, xăng dầu, thuốc sâu, tiền trả lời ngân hàng và công trồng cho nông dân. Giá xuất khẩu gạo sụt dưới 170 USD tấn so với giá gạo xuất khẩu 230 USD năm 1999 và so với giá bảo lãnh của chính phủ Mỹ đối với nông dân của họ là 500 USD tấn và giá bảo lãnh của Nhật là 1.500 USD tấn. Giá nhân trên thị trường trong nước chỉ là 3-4000 đồng/kg tại chợ và 1.000-1.500 đồng/kg tại vườn do Trung Quốc đánh thuế nặng trên nhân Việt Nam nhập khẩu. Giá heo hơi nhiều nơi chỉ 10.000 đồng/kg chưa đủ tiền thức ăn nếu mua cám nơi các nhà máy thức ăn gia súc. Các năm về trước, nếu giá lúa sụt còn có khả năng trồng các cây con khác, năm 2001 đặc biệt khó khăn vì lúa, cà phê, tiêu, cao su, trái cây, trứng gà vịt, thịt heo, thịt gà v.v... đều sụt giá đến 30-50%. Sự kiện người nông dân sản xuất thừa, không tìm được thị trường đầu ra, không trả được nợ ngân hàng đã làm cho ngân hàng không thể tiếp tục chính sách tín dụng nông thôn đã thành công vào các năm cuối 80 và các năm 90, khi người nông dân có khả năng bán giá cao trên thị trường quốc nội và trên thị trường thế giới. Trong trường hợp người nông dân không có khả năng trả vốn vay, đặc biệt vay với lãi suất cao khoảng 1% tháng như hiện nay, phải tìm một chính sách tín dụng ngân hàng mới nhằm giải quyết các vấn đề giá cả, đầu ra phức tạp của nông nghiệp hiện nay.

1. Các doanh nghiệp nông dân nằm trong diện chuyển đổi sản xuất mặt hàng nông nghiệp Việt Nam

Để giải quyết tình hình khó khăn về đầu ra cho nông dân, năm 2001 Đảng và Nhà Nước đã có chính sách chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp Việt Nam như sau:

- Giảm khoảng 300-500.000 ha lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long chuyển sang sản xuất các nông sản còn chưa cung cấp đủ trong nước như bông vải, đậu mè, trồng cỏ nuôi bò sữa, trồng bắp lai.

- Chuyển một số đất vùng nước lợ mặn trồng lúa bắp bênh sang việc nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi tôm do giá tôm xuất khẩu vẫn còn có khả năng tạo lợi nhuận cho nông dân.

- Tổ chức thu mua lúa và dự trữ lúa đông xuân 2001 để giữ giá lúa ở mức khá cao.

Tương ứng với chính sách chuyển đổi cơ cấu sản xuất mặt hàng nông sản trên đây cần phải có chính sách tín dụng ưu tiên và tập trung cho các đối tượng thi hành chính sách chuyển đổi và thu mua này. Lãi suất thu mua và dự trữ lúa đã được hạ thấp nhưng tác dụng tăng giá không nhiều do giá lúa trên thị trường thế giới thấp. Lẽ ra nếu có một hệ thống silo



đủ lớn thì đã có khả năng giữ giá lúa cao và tránh khỏi cảnh đông xuân 2001 dư lúa, giá sụt và hè thu 2001 thiếu lúa xuất khẩu, giá tăng, như hiện nay.

Chính sách tập trung tín dụng cho những người nuôi tôm đạt hiệu quả cao dù giá tôm thu mua có nơi sụt 30% so với năm vừa qua nhưng việc chuyển đổi khoảng 200.000 ha lúa bắp bệnh sang việc nuôi tôm đã làm tăng vọt xuất khẩu thủy sản Việt Nam và tạo lợi nhuận cao cho một số người nuôi tôm áp dụng kỹ thuật cao thâm canh đạt đến 6-8 tấn/ha/vụ.

Chính sách chuyển trồng bông vải và trồng đậu phộng đậu mè chưa cho kết quả tốt như so với ngành nuôi tôm do lợi nhuận thấp và các biện pháp lãi suất thấp và ưu tiên chưa được đẩy mạnh song song với việc đánh thuế thêm trên bông vải hay dầu ăn được nhập.

Nói chung nên hạ thêm lãi suất ngân hàng và nên tập trung mạnh hơn tín dụng cho những nông dân đang thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mới đạt được chuyển biến tích cực hơn. Đặc biệt nên tập trung vốn cho vay cho các doanh nghiệp đầu tàu, như các trại tôm giống kỹ thuật cao, các đầm nuôi tôm, trồng bông vải, đậu phộng v.v... thì mới đạt được kết quả khá hơn. Trong ngành chăn nuôi bò sữa, hiện nay rất thiếu bò giống, cần tổ chức các doanh nghiệp gieo tinh giống để có nhiều bò lai từ bò địa phương, vậy phải tập trung ưu tiên vốn vay cho các doanh nghiệp gieo tinh và những nông dân có bò địa phương được gieo tinh. Phải tập trung vốn cho vay và lãi suất thấp đến các bể điểm như công ty bông, các trại tôm giống kỹ thuật cao, các doanh nghiệp gieo tinh... thì mới đẩy mạnh được việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong một thời gian ngắn. Cũng nên tập trung vốn ưu tiên cho việc xây dựng sớm thiết lập hệ thống silô 3-5 triệu tấn lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xây dựng các doanh nghiệp tạo đầu ra mới cho nông dân Việt Nam

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất chỉ có khả năng chậm và ít giải quyết được các khó khăn về giá và thị trường của nông nghiệp Việt Nam hiện nay. Cần phải có thêm biện pháp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp Việt Nam bằng cách xây dựng những nhà máy lớn tạo đầu ra cho nông sản Việt Nam:

- Nhà máy chế biến cao su thành vỏ lốp xe ô tô xe gắn máy. Nếu có một loạt nhà máy làm sẵn lốp, có khả năng hoàn toàn tiêu thụ hết số cao su trong nước và việc xuất khẩu vỏ xe sẽ thu được số tiền gấp bội lần so với xuất khẩu cao su thô.

- Các nhà máy khoai mì vỏ viên,

tapioca, bột mì tinh, bột ngọt có khả năng chế biến khoai mì thô thành những nông sản có giá trị cao hơn nhiều so với việc xuất khẩu khoai mì lát phơi khô.

- Ở Mỹ tại các siêu thị có bán loại tôm khô, thịt trắng, nếu bỏ vào nước sôi sẽ nở ra và ăn ngon như tôm tươi. Nếu ở Việt Nam tổ chức các nhà máy sấy khô làm tôm khô như trên thì xuất khẩu sẽ hiệu quả hơn, giảm chi phí chuyển chở tôm đông lạnh và do tôm khô có khả năng bảo quản lâu hơn tôm tươi sẽ giúp cho giá tôm vững hơn. Tôm khô có khả năng xuất khẩu rộng hơn tôm tươi.

- Ở Việt Nam chỉ mới có Vissan được coi như có đủ tiêu chuẩn về vệ sinh xuất khẩu thịt đông lạnh và làm các thức ăn từ thịt. Do đó, không thể xuất khẩu thịt và các thức ăn về thịt để giữ giá cao cho nông dân. Phải tổ chức cấp bách nhiều cơ sở có chất lượng cao như Vissan để thỏa mãn nhu cầu xuất khẩu thịt và cung cấp thức ăn thịt chất lượng cao cho đồng bào trong nước.

- Lập một số nhà máy chế biến cây thuốc tạo đầu ra cho một số cây thuốc và hương liệu tại Việt Nam như linh chi, sâm, a-ti-sô v.v... Khuyết hưởng của y học ngày nay là trích xuất các tinh chất từ các cây con và sản xuất những dược phẩm rất quý và rất đắt tiền từ như một loại thuốc chống ung thư đã được trích xuất từ cây thông đỏ ở Việt Nam giá lên đến hàng nhiều triệu đồng Việt Nam cho mỗi ca trị bệnh.

- Ở Indonesia hay Malaysia, nông dân trồng cây cọ dầu thay vì trồng cây cao su và cây dừa. Lý do là cây cọ dầu cho năng suất đến 7 tấn dầu/năm nếu trồng đúng kỹ thuật và chỉ cần rất ít công nhân so với cây cao su phải cạo mủ mỗi ngày. Dưới tán rừng cao su, có khả năng trồng cây ca cao, cho sản phẩm rất quý là sô-cô-la. Việt Nam có thể trồng thêm hàng vạn ha cây ca cao dưới tán các vườn cao su hay cây dừa mà không phải tốn thêm quỹ đất. Cây chà là cho trái rất quý trên thế giới chỉ trồng được trên diện tích nhỏ ở các ốc đảo xanh có nước ở các sa mạc. Cây chà là đòi hỏi nước ngập ven rễ và nắng gắt trên đầu. Mấy năm gần đây ở Cần Giỏi, đã thí nghiệm thành công trồng cây chà là, chỉ 2 năm cho quả. Tuy nhiên, cả cây cọ dầu, ca cao, cây chà là đều chỉ thông qua giai đoạn trồng thí nghiệm và không tiến đến giai đoạn sản xuất thương mại vì các nông dân trồng các loại cây này đã bị thua lỗ nặng. Lý do là vì các trái cọ dầu, chà là hay ca cao phải được thu mua, chế biến ngay thì mới cho dầu cọ, sô cô la, hay mứt chà là chất lượng cao. Như vậy phải tổ chức thu mua và biến chế song song với việc tổ chức khâu trồng, và diện

tích trồng phải tương ứng với khả năng thu mua chế biến của nhà máy. Công việc này là của các Bộ nông nghiệp và Kế hoạch nhằm sử dụng công cụ, như các công ty quốc doanh được cấp đủ vốn và có các kỹ thuật gia tổ chức được các nhà máy làm cọ dầu, sô cô la và mứt chà là từ các nông sản thô, tương tự như việc trồng các vườn mía chỉ có thể thực hiện bên cạnh các nhà máy đường mía ký kết các giao kèo với giá thu mua ổn định đối với nông dân. Kinh nghiệm cho thấy ở những nơi thiết lập được quan hệ giá cả hợp lý với nông dân thì nhà máy không thiếu mía và nông dân cũng bán được đường với giá cao. Còn ở những nơi không kế hoạch hóa diện tích trồng mía ăn khớp với khả năng thu mua biến chế của nhà máy đường địa phương, khi thì sản lượng mía quá nhiều làm giá mía rớt giá, khi thì sản lượng mía quá ít không đủ cho nhà máy hoạt động khoảng 60-80% công suất thiết kế, nhà máy bị lỗ vốn. Do đó Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Nông nghiệp cùng với các chính quyền địa phương nên có chính sách quy định diện tích trồng cây con, sao cho tương ứng với khả năng thu mua và chế biến của các nhà máy địa phương. Nên đưa vào quy hoạch cây cọ dầu, cây ca cao, cây chà là (song song với các nhà máy thu mua chế biến), các trại tôm giống kỹ thuật cao, cây bông vải, các trạm gieo tinh sản xuất bò sữa giống lai F2, các nhà máy chế biến cao su thành vỏ xe ô tô xe gắn máy v.v... Nguyên lý cần nắm vững là phải cân đối giữa khả năng của nhà máy về thu mua chế biến với diện tích gieo trồng cây con của nông dân. Do việc lập nhà máy có thể tiến hành nhanh hơn việc tổ chức trồng cây con trên diện tích đủ cho nhà máy chạy 100% công suất, nên công nghiệp chế biến phải đi trước việc nuôi trồng và các nhà máy phải đảm bảo tiêu thụ hết sản phẩm của nông dân, nếu không tiêu thụ hết thì cho vào các silô tạm tồn kho để vô hiệu hóa tác dụng của định luật King: Giá nông sản sẽ sụt rất mạnh nếu sản lượng nông sản dư thừa ít ỏi.

Sau khi Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Nông nghiệp, các chính quyền địa phương đã có kế hoạch phát triển nhà máy và cây con ăn khớp với nhau, ngân hàng sẽ tung tiền và tập trung tín dụng nông nghiệp vào các lãnh vực mới giúp cho nông dân và các chính quyền địa phương thực hiện tốt kế hoạch đã được xây dựng. Bộ Thương mại cũng nên có chính sách nhập khẩu hợp lý bằng cách giới hạn việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp đã được nông dân sản xuất được để hỗ trợ cho việc sản xuất và xuất khẩu nông sản phẩm hàng hóa của nông dân ■